

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Lê Mạnh Hùng** - Nghiên cứu khám phá về ảnh hưởng của tư duy chiến lược và bản lĩnh lãnh đạo đến hiệu quả hoạt động trong các tổ chức hành chính công tại Việt Nam. **Mã số: 208.1GEMg.11** 3

The Impact of Strategic Thinking and Leadership Prowess on Organizational Performance in Vietnamese Public Administration

- 2. Lê Nguyễn Diệu Anh** - Tác động của đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: 208.1HIEM.11** 14

Impact of innovation and digital technology application on the export performance of Vietnamese enterprises

- 3. Đinh Thị Hương, Nguyễn Hồng Nhung, Phạm Thị Thanh Hà và Vũ Thị Yến** - Mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo xanh, hiệu suất bền vững và lợi thế cạnh tranh tại các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo Việt Nam: vai trò tác động của trí tuệ nhân tạo. **Mã số: 208.1DEco.11** 25

The connection among green innovation, sustainable performance, and competitive advantage in Vietnamese manufacturing firms: The influence of artificial intelligence

- 4. Ao Thu Hoài, Nguyễn Thị Hoài Lê và Nguyễn Ngọc Trung** - An ninh xã hội trong phát triển du lịch tại Ninh Bình: nghiên cứu phân tích nhân khẩu học. **Mã số: 208.1TRMg.11** 40

Demographic Perspectives on Social Security in Tourism Development: the Case of Ninh Bình

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 5. Hồ Phi Dũng và Nguyễn Xuân Hiệp** - Phân tích tác động của eWOM đến ý định đặt vé máy bay trực tuyến: Vai trò của hình ảnh thương hiệu, động cơ mua hàng và rủi ro cảm nhận qua tiếp cận định tính. **Mã số: 208.2BMkt.21** 51

Analyzing the impact of electronic word-of-mouth (eWOM) on online flight ticket booking intention: The roles of brand image, purchase motivation, and perceived risk through a qualitative approach

- 6. Nguyễn Thành Trung Hiếu và Nguyễn Duy Thành** - Tác động của quá trình quản trị tri thức tới đổi mới hành vi trong các doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: 208.2BAdm.21** 63

Affect of knowledge process capability on innovative behavior in Vietnamese enterprises

- 7. Bùi Hải Đăng, Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Thị Bình, Lại Minh Sang và Võ Thị Phương Thảo** - Giải mã cảm xúc khách hàng: Ứng dụng phân tích cảm xúc trong mua sắm sản phẩm điện tử Việt Nam. **Mã số: 208.2BMkt.21** 73

Decoding Customer Emotions: Sentiment Analysis Applications in Electronics Shopping in Vietnam

- 8. Trương Thị Thùy Ninh, Quảng Thị Nguyệt, Nguyễn Thu Trang và Nguyễn Thị Thu Hương** - Ảnh hưởng của thực hành xanh tới hành vi của khách hàng tại các cửa hàng nhượng quyền thương mại trên địa bàn Hà Nội. **Mã số: 208.2BMkt.21** 86

The Influence of Green Practices on Customer Behavior at Franchise Stores in Hanoi

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 9. Vũ Thị Thu Hương** - Các yếu tố ảnh hưởng đến đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp: kết quả nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam. **Mã số: 208.3OMIs.31** 103

Factors Affecting Business Innovation: Results of Empirical Research in Vietnam

AN NINH XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI NINH BÌNH: NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH NHÂN KHẨU HỌC

Ao Thu Hoài

Email: aothuhoai@gmail.com

Trường ĐH Giao thông vận tải Tp Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Hoài Lê

Email: hoaille74@gmail.com

Trường Đại học Lạc Hồng

Nguyễn Ngọc Trung

Email: trunginter@yahoo.com

Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Ngày nhận: 15/05/2025

Ngày nhận lại: 20/07/2025

Ngày duyệt đăng: 28/07/2025

Phát triển du lịch tại Ninh Bình đã mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, việc làm và cải thiện hạ tầng, nhưng cũng làm dấy lên các lo ngại về căng thẳng văn hóa - xã hội và rủi ro an ninh xã hội. Nghiên cứu này phân tích mối tương quan giữa thu nhập, đặc điểm nhân khẩu học và nhận thức của cộng đồng về các tác động tiêu cực của du lịch như suy giảm giá trị văn hóa, xung đột xã hội và bất ổn trong đời sống cộng đồng. Dựa trên khảo sát 871 người dân cùng phân tích bảng chéo và kiểm định chi bình phương, kết quả cho thấy các nhóm thu nhập thấp, cư dân mới di cư, lao động trực tiếp trong ngành Du lịch lo ngại nhiều hơn về rủi ro xã hội - môi trường. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các chính sách phát triển du lịch bền vững, bảo vệ nhóm yếu thế và hài hòa lợi ích cộng đồng.

Từ khóa: An ninh xã hội; Du lịch; Ninh Bình; Phát triển bền vững; Căng thẳng văn hóa - xã hội; Rủi ro an ninh xã hội.

JEL Classifications: L83, Z32, R58, O18.

DOI: 10.54404/JTS.2025.208V.04

1. Đặt vấn đề

Du lịch là động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng ở nhiều địa phương đang phát triển, giúp tạo việc làm, cải thiện hạ tầng và tăng thu nhập. Tuy nhiên, sự phát triển nóng của du lịch cũng kéo theo nhiều hệ lụy, đặc biệt về căng thẳng văn hóa - xã hội và rủi ro an ninh xã hội, nhất là khi lợi ích phân phối không đồng đều (Gursoy et al., 2010; Nunkoo et al., 2012). Ninh Bình là một trường hợp điển hình, nơi phát triển du lịch diễn ra trên nền tảng truyền thống lâu đời và hệ sinh thái nhạy cảm.

Bên cạnh những lợi ích kinh tế rõ rệt, du lịch còn tác động mạnh mẽ đến các chiều cạnh văn hóa - xã hội của địa phương. Sự gia tăng đột biến về lượng khách du lịch, đầu tư hạ tầng và các hoạt động dịch vụ đã làm biến đổi

sâu sắc đời sống cộng đồng, cơ cấu nghề nghiệp và cấu trúc quan hệ xã hội tại các vùng lõi du lịch. Các giá trị truyền thống, di sản văn hóa phi vật thể, các tập quán sinh hoạt cộng đồng đứng trước nguy cơ mai một, bị thương mại hóa hoặc “du lịch hóa” (cultural commodification), khi các hoạt động phục vụ khách du lịch được ưu tiên thay thế cho các thực hành văn hóa nguyên bản (Liu & Var, 1986).

Hơn thế, sự phát triển không đồng đều của du lịch đã làm nảy sinh các xung đột nội tại giữa các nhóm dân cư: giữa người kinh doanh du lịch và nhóm ngoài ngành; giữa cư dân lâu năm và lao động nhập cư; giữa các thế hệ về quan niệm gìn giữ bản sắc hay thích nghi với đổi mới. Thực tiễn tại Ninh Bình cho thấy, ở những địa bàn như Tràng An, Tam Cốc, Bái Đính... sự phân hóa lợi ích kinh tế kéo theo

cảm giác bất công, mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền tiếp cận tài nguyên, chia sẻ nguồn lực và tiếng nói trong quản trị phát triển địa phương. Một bộ phận cư dân cảm thấy bị “bỏ lại phía sau”, thậm chí cảm thấy bất an, xa lạ ngay trên quê hương mình khi không còn kiểm soát được các giá trị truyền thống và không gian sinh tồn.

Đặc biệt, các nghiên cứu gần đây cho thấy nhận thức về tác động tiêu cực của du lịch có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm nhân khẩu học (tuổi, giới tính, trình độ, thu nhập, thời gian cư trú, nghề nghiệp...). Các nhóm dân cư mới nhập cư, người có thu nhập thấp, lao động dịch vụ, cũng như phụ nữ và người trẻ tuổi thường tỏ ra lo ngại nhiều hơn về sự bất ổn xã hội, an ninh trật tự và nguy cơ mai một văn hóa truyền thống. Trong khi đó, nhóm cư dân lâu năm và có thu nhập cao lại bày tỏ sự quan tâm đến các vấn đề phân bổ lợi ích, quyền tiếp cận tài nguyên và sự công bằng xã hội. Các xung đột về lợi ích, sự bất mãn hoặc xu hướng “ly tâm” khi một bộ phận cư dân cân nhắc rời bỏ địa phương cũng đang có dấu hiệu gia tăng, đặc biệt tại các vùng phát triển du lịch nhanh.

Du lịch cũng thúc đẩy những thay đổi về cơ cấu xã hội và gia đình, với việc gia tăng các loại hình lao động dịch vụ, di cư lao động và thay đổi vai trò giới trong cộng đồng. Những thay đổi này, nếu không được quản trị hợp lý, có thể dẫn đến mất cân bằng xã hội, đứt gãy kết nối cộng đồng, gia tăng cạnh tranh không lành mạnh và rủi ro về an ninh, trật tự. Tác động này càng trở nên phức tạp hơn trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa, khi ranh giới cộng đồng truyền thống dần bị xóa nhòa, các giá trị văn hóa địa phương đứng trước nguy cơ bị “pha loãng” hoặc “lại tạp”.

Các rủi ro xã hội và văn hóa thường khó đo lường trực tiếp, nhưng lại bám rễ lâu dài, ảnh hưởng đến nền tảng phát triển bền vững của địa phương. Nhiều nghiên cứu quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam chỉ ra rằng, nếu không nhận diện sớm các nguy cơ này để điều chỉnh chính sách, địa phương sẽ đối mặt với sự suy giảm niềm tin xã hội, giảm khả năng tự chủ và sáng tạo văn hóa, thậm chí xuất hiện xu hướng “ly tâm” khi một bộ phận cư dân chọn di cư khỏi quê hương để tìm kiếm cơ hội mới (Gursoy et al., 2010).

Đáng chú ý, các kết quả khảo sát thực nghiệm gần đây tại Ninh Bình cho thấy tỷ lệ người dân bày tỏ ý định sẵn sàng chuyển đi nơi khác sinh sống nếu các rủi ro an ninh xã hội tiếp tục gia tăng lên tới trên 30%, phản ánh mức độ tác động sâu rộng của phát triển du lịch không kiểm soát đối với tâm lý cộng đồng địa phương. Điều này đòi hỏi phải có những chính sách phát triển du lịch bền vững, lấy cộng đồng làm trung tâm, chú trọng phân tích đặc thù các nhóm dân cư và đảm bảo hài hòa lợi ích, duy trì sự đồng thuận và ổn định xã hội.

Chính vì vậy, việc đánh giá toàn diện văn hóa - xã hội, bên cạnh các chỉ số kinh tế, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho quản trị phát triển du lịch tại Ninh Bình. Cần thiết phải nhận diện rõ những nhóm dân cư, cộng đồng đang chịu nhiều bất lợi, các cơ chế xung đột tiềm ẩn, cũng như mức độ biến đổi các giá trị, cấu trúc cộng đồng dưới tác động của du lịch, từ đó xây dựng các giải pháp phát triển hài hòa, đảm bảo bản sắc và sự đồng thuận xã hội. Bài báo này tập trung phân tích mối quan hệ giữa nhân khẩu học, thu nhập và nhận thức của cư dân về các rủi ro và xung đột văn hóa - xã hội dưới tác động du lịch ở Ninh Bình, nhằm đóng góp cơ sở lý luận - thực tiễn cho mô hình phát triển bền vững và bao trùm.

2. Tổng quan nghiên cứu và lý thuyết

2.1. Khái niệm cơ bản có liên quan

Phát triển du lịch (Tourism Development): Là quá trình mở rộng các hoạt động, dịch vụ và hạ tầng phục vụ khách du lịch, nhằm tạo ra giá trị kinh tế, xã hội và môi trường cho điểm đến. Theo UNWTO (2013), phát triển du lịch bền vững là “quá trình đáp ứng nhu cầu của khách du lịch hiện tại và địa phương mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai, trên các phương diện kinh tế, xã hội, môi trường” (UNWTO, n.d.).

An ninh xã hội (Social Security/Social Safety): Là trạng thái an toàn của cộng đồng trước các nguy cơ, rủi ro liên quan đến trật tự xã hội, tội phạm, tệ nạn, bất ổn, cũng như khả năng phòng ngừa và ứng phó với các vấn đề này. Theo (Nguyễn Hữu Dũng, 2018), an ninh xã hội là “sự ổn định và phát triển bền vững của xã hội, trong đó quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể xã hội được đảm bảo, các nguy cơ bất ổn, xung đột được kiểm soát”. Trong bối cảnh du lịch, khái niệm này

chủ yếu gắn với căng thẳng văn hóa - xã hội và rủi ro an ninh trật tự nảy sinh từ quá trình phát triển.

Xung đột xã hội (Social Conflict): Là trạng thái bất hòa hoặc đối kháng giữa các cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng, do sự khác biệt về lợi ích, giá trị hoặc quyền tiếp cận nguồn lực. (Doxey, 1975) phát triển mô hình “Irridex” phân tích mức độ khó chịu, xung đột giữa cộng đồng dân cư với khách du lịch khi hoạt động du lịch phát triển quá nhanh và không kiểm soát.

Tác động xã hội của du lịch (Social Impacts of Tourism): Bao gồm những thay đổi về cấu trúc, chức năng và quan hệ trong cộng đồng xuất phát từ hoạt động du lịch, bao gồm cả mặt tích cực (tạo việc làm, tăng kết nối xã hội...) và tiêu cực (gia tăng tội phạm, biến đổi giá trị, xung đột lợi ích...) (Mathieson & Wall, 1982) (Gursoy et al., 2010).

Nhân khẩu học (Demographics): Là một ngành khoa học nghiên cứu các đặc trưng dân số, như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập, nghề nghiệp, nguồn gốc cư trú, v.v. Các đặc điểm này được sử dụng để phân tích sự khác biệt về nhận thức, thái độ và mức độ chịu tác động của các nhóm dân cư trước các hiện tượng xã hội (Preston et al., 2001).

2.2. Tác động của du lịch dưới góc nhìn quốc tế

Bên cạnh các tác động kinh tế và văn hóa, nhiều nghiên cứu quốc tế nhấn mạnh rằng sự phát triển du lịch có ảnh hưởng sâu sắc đến an ninh xã hội và sự ổn định cộng đồng tại điểm đến. Sự gia tăng đột biến lượng khách, di cư lao động và mở rộng dịch vụ du lịch có thể dẫn tới gia tăng tội phạm, bất ổn xã hội, xung đột lợi ích và cảm giác bất an của cư dân địa phương (Gursoy et al., 2010; Haralambopoulos & Pizam, 1996; Milman & Pizam, 1988).

Nhiều nghiên cứu thực chứng cho thấy, tỉ lệ tội phạm tại các điểm đến du lịch phát triển nhanh thường cao hơn so với các vùng khác, với các dạng diễn hình như trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, mại dâm, buôn bán ma túy... (de Albuquerque & McElroy, 1999; Pizam et al., 1997).

Bên cạnh đó, quá trình phát triển du lịch nếu không quản trị tốt, quá trình phát triển du lịch dễ kéo theo sự phân hóa xã hội, gia tăng tệ nạn và xung đột giữa các nhóm dân cư, thậm chí xuất hiện hiện tượng “bản địa hóa tệ

nạn” (Bakker & Demerouti, 2014). Ở một số nơi, các nhóm tội phạm có tổ chức còn lợi dụng dòng khách du lịch để phát triển các hoạt động phi pháp, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển (UNODC, 2019). Nghiên cứu của (Brunt et al., 2000) tại Anh cho thấy, nhiều cư dân ở các đô thị du lịch nổi tiếng cảm nhận rõ sự suy giảm chất lượng sống do tội phạm, ồn ào, tiếng ồn, chi phí sinh hoạt gia tăng và cảm giác bất an, từ đó nảy sinh tâm lý bất mãn, gây bất ổn xã hội lâu dài. Mức độ tác động phụ thuộc vào đặc điểm nhân khẩu học, nhận thức cộng đồng, sự tham gia vào ngành du lịch và yếu tố thể chế địa phương (Nunkoo et al., 2012).

Các bằng chứng quốc tế nhất quán cho thấy phát triển du lịch - nếu thiếu kiểm soát, phối hợp và chính sách xã hội hợp lý - có thể là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp làm gia tăng các rủi ro về an ninh xã hội, bất ổn và suy giảm chất lượng sống tại điểm đến.

2.3. Bối cảnh an ninh xã hội trong phát triển du lịch ở Ninh Bình, Việt Nam

Sự phát triển mạnh mẽ của du lịch tại Ninh Bình, đặc biệt ở những điểm nổi bật như Tràng An, Bái Đính, Tam Cốc - Bích Động hay Hang Múa, đã mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và việc làm cho người dân địa phương. Tuy nhiên, sự gia tăng nhanh chóng của lượng khách cũng đặt ra những thách thức lớn đối với an ninh xã hội. Người dân tại các vùng du lịch phải thường xuyên đối mặt với tình trạng ồn ào giao thông, tiếng ồn, rác thải và sự quá tải hạ tầng, đặc biệt vào mùa lễ hội hay dịp cao điểm. Điều này không chỉ làm giảm chất lượng cuộc sống thường ngày mà còn tạo tâm lý bất an khi trật tự xã hội dễ bị xáo trộn. Một số hiện tượng tiêu cực gắn liền với du lịch như, chèo kéo, ép giá, lừa đảo, trộm cắp vặt khiến người dân địa phương vừa là nạn nhân, vừa chịu ảnh hưởng gián tiếp khi hình ảnh cộng đồng bị gắn với những hành vi thiếu văn minh. Năm 2020, tại Hang Múa từng ghi nhận vụ việc khách du lịch nước ngoài gây rối trật tự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và cảm giác an toàn của cư dân trong vùng (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2021). Thêm vào đó, việc khách quốc tế tự ý thuê phương tiện không đủ giấy tờ đã dẫn đến nhiều vụ tai nạn giao thông, gây lo ngại cho người dân về tính mạng và tài sản.

Dù chính quyền đã triển khai nhiều giải pháp như chốt an ninh, tuần tra lưu động, xử lý vi phạm giao thông (Kiều An, 2024; Minh Hiền, 2024), người dân địa phương vẫn phải thích ứng với những thay đổi về nếp sống, sinh kế và trật tự xã hội do du lịch mang lại. Đặc biệt, trong các dịp cao điểm như Tết Nguyên Đán 2024, công tác an ninh trật tự được tăng cường mạnh mẽ, giúp kiểm soát hàng chục vụ việc vi phạm nhưng đồng thời cũng phản ánh áp lực lớn đặt lên cộng đồng địa phương (Minh Hiền, 2024). Hiện tượng “tour 0 đồng” và các sản phẩm du lịch kém an toàn đã buộc chính quyền tăng cường kiểm soát nhằm ngăn chặn nguy cơ lừa đảo, bảo vệ cộng đồng và hình ảnh điểm đến (Ninh Bình.gov.vn, 2024; Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2019). Việc quản lý chặt chẽ các sản phẩm du lịch mạo hiểm, nhất là sau khi UBND tỉnh ban hành văn bản yêu cầu tăng cường kiểm tra, giám sát những loại hình có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe khách, cũng cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn tới khía cạnh an ninh xã hội trong phát triển du lịch (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2024). Song song, báo chí chính thống cũng ghi nhận nỗ lực xây dựng hình ảnh “điểm đến an toàn, thân thiện” thông qua việc tăng cường quản lý an ninh tại các khu, điểm du lịch (Diệp Anh, 2023).

Nguyên nhân chính được xác định là: (i) tốc độ phát triển du lịch vượt quá khả năng quản lý xã hội truyền thống; (ii) cạnh tranh không lành mạnh, dịch vụ tự phát thiếu kiểm soát; (iii) hạn chế kiến thức pháp luật và kỹ năng phòng ngừa rủi ro trong cộng đồng; (iv) lực lượng chức năng mỏng, thiếu trang thiết bị hỗ trợ hiện đại (Brunt et al., 2000).

Trước thực trạng này, chính quyền địa phương đã triển khai nhiều giải pháp như tăng cường lực lượng an ninh tại điểm đến, lắp đặt hệ thống camera giám sát, kiểm tra an toàn dịch vụ, đẩy mạnh truyền thông nâng cao ý thức pháp luật cho cộng đồng và khách du lịch, thiết lập đường dây nóng phản ánh, đồng thời ứng dụng công nghệ số trong quản lý an ninh du lịch (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2021, 2024). Việc phối hợp liên ngành giữa chính quyền, doanh nghiệp, cộng đồng và lực lượng chức năng được xem là yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và xử lý các vi phạm, hướng tới bảo

đảm an ninh xã hội gắn với phát triển du lịch bền vững.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Công cụ khảo sát và thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này lựa chọn phương pháp tiếp cận hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp định tính và định lượng nhằm đánh giá toàn diện tác động của du lịch tới an ninh xã hội ở tỉnh Ninh Bình. Trọng tâm khảo sát là các vấn đề về trật tự an toàn xã hội, biến động tội phạm - tệ nạn, cảm nhận an toàn của cộng đồng và hiệu quả quản lý nhà nước tại các địa bàn có hoạt động du lịch phát triển nhanh.

Trên phương diện định tính, dữ liệu được thu thập thông qua 20 phỏng vấn sâu bán cấu trúc với đại diện các sở, ban, ngành, lực lượng công an, chính quyền cấp huyện/xã và 28 phỏng vấn sâu với chủ các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch tại những điểm nóng về an ninh trật tự. Song song đó, nhóm nghiên cứu thực hiện 21 cuộc thảo luận nhóm với tổng cộng 175 người gồm cán bộ thôn/hội, người dân kinh doanh và không kinh doanh du lịch, cùng đại diện các tổ chức đoàn thể tại 7 xã/phường có hoạt động du lịch trọng điểm. Phương pháp chọn mẫu chủ đích được sử dụng để đảm bảo sự đa dạng về nhóm bị tác động. Các cuộc phỏng vấn và thảo luận đều được ghi âm, chuyển thành văn bản và phân tích nội dung bằng phần mềm NVivo, với các chủ đề mã hóa tập trung vào biến động tội phạm, tệ nạn xã hội, xáo trộn trật tự công cộng và các giải pháp quản lý an ninh tại địa phương.

Về định lượng, khảo sát được thực hiện trên 871 đối tượng cư trú tại các xã/phường trọng điểm về du lịch. Kích thước mẫu 871 được lựa chọn nhằm đảm bảo độ tin cậy thống kê và tính đại diện cho sự đa dạng nhân khẩu học tại Ninh Bình, đồng thời vượt ngưỡng tối thiểu 10 quan sát cho mỗi biến trong mô hình phân tích hồi quy (Hair et al., 2010). Bảng hỏi khảo sát thu thập cả thông tin nhân khẩu học và nhận thức, trải nghiệm thực tế của người dân liên quan đến tội phạm, trộm cắp, lừa đảo, tệ nạn xã hội, xung đột cộng đồng, cảm nhận an toàn cá nhân và đánh giá hiệu quả quản lý của chính quyền địa phương. Dữ liệu sau thu thập được xử lý bằng SPSS với các bước: (i) thông kê mô tả xác định tỷ lệ cư dân cảm nhận thay đổi về an ninh xã hội; (ii) kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha; (iii) phân tích nhân tố

khám phá (EFA) để nhận diện nhóm yếu tố tác động; (iv) phân tích hồi quy tuyến tính nhằm lượng hóa mức độ ảnh hưởng của phát triển du lịch đến an ninh xã hội.

Để đảm bảo tính thực tiễn và giá trị ứng dụng, nhóm tác giả tổ chức bốn buổi tọa đàm chuyên gia (expert panel) với sự tham gia của lãnh đạo Công an tỉnh, nhà khoa học xã hội học và chuyên gia quản lý du lịch. Các tọa đàm giúp hiệu chỉnh bộ công cụ khảo sát, xác nhận tính phù hợp của chỉ số đo lường an ninh xã hội và bổ sung góc nhìn thực tiễn trong giải thích kết quả (Morgan, 1996).

3.2. Phân tích thống kê

Trong nghiên cứu này, các phương pháp phân tích thống kê như bảng chéo (crosstab) và kiểm định chi bình phương (chi-square test) được sử dụng nhằm làm rõ mối liên hệ giữa đặc điểm nhân khẩu học và mức độ lo ngại về các tác động xã hội của du lịch đối với cộng đồng địa phương. Cụ thể, các biến nhân khẩu học bao gồm: độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập, nghề nghiệp, thời gian sinh sống tại địa phương, cũng như kỹ năng ngoại ngữ của người dân.

Phân tích bảng chéo cho phép nhận diện sự

Bảng 1: Bảng thông tin nhân khẩu người được khảo sát

	N	%
Giới tính		
Nam	414	47,54
Nữ	456	52,35
Khác	1	0,11
Độ tuổi		
18-29	100	11,48
30-39	266	30,54
40-49	222	25,49
50-59	155	17,80
Trên 60	123	14,12
Khác	5	0,57
Trình độ học vấn		
1. Học xong THCS	112	12,86
2. Học xong THPT	322	36,97
3. Học xong sơ cấp, dạy nghề	104	11,94
4. Học xong cao đẳng	104	11,94
5. Học xong đại học	210	24,11
6. Học xong trên đại học	19	2,18
Tổng	871	100

Ghi chú: Số liệu định lượng chỉ tính trên các phiếu khảo sát đầy đủ thông tin, đã loại bỏ những phiếu thiếu dữ liệu nhằm đảm bảo chất lượng mẫu.

(Nguồn: Tác giả)

Sự kết hợp đồng bộ giữa phương pháp định tính - định lượng và tham vấn chuyên gia đã góp phần bảo đảm tính logic, độ tin cậy (reliability), giá trị (validity) và khả năng ứng dụng (practicality) của kết quả nghiên cứu (Creswell & Clark, 2018). Các phát hiện thu được không chỉ là cơ sở thực chứng để đề xuất chính sách quản lý an ninh xã hội tại các địa bàn du lịch phát triển nhanh ở Ninh Bình, mà còn cung cấp bài học tham khảo hữu ích cho các địa phương khác có điều kiện tương đồng.

khác, biệt trong nhận thức giữa các nhóm dân cư về các rủi ro như căng thẳng văn hóa - xã hội, suy giảm giá trị truyền thống, xung đột cộng đồng và bất ổn an ninh trật tự tại các điểm du lịch trọng điểm (Field, 2013). Kiểm định chi bình phương được áp dụng để xác định ý nghĩa thống kê của các mối liên hệ này, từ đó làm rõ liệu các đặc điểm nhân khẩu học có ảnh hưởng đáng kể đến mức độ quan ngại của cư dân về an ninh xã hội hay không.

Kết quả phân tích là cơ sở khoa học để nhận diện nhóm dân cư nhạy cảm, dễ bị tác động tiêu cực khi du lịch phát triển nhanh, đồng thời cung cấp bằng chứng hỗ trợ nhà quản lý trong việc xây dựng chính sách đảm bảo an ninh xã hội và ổn định cộng đồng tại các khu vực du lịch trọng điểm.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Căng thẳng văn hóa - xã hội

Kết quả khảo sát cho thấy, khoảng 50% số người tham gia nhận định hoạt động du lịch đã làm suy giảm các giá trị nghề truyền thống và thay đổi tập quán, lối sống cộng đồng (Bảng 2). Đáng chú ý, nhóm có trình độ học vấn cao và thành thạo ngoại ngữ bày tỏ lo ngại nhiều hơn về nguy cơ lai tạp văn hóa và đánh mất bản sắc địa phương. Ngoài ra, xung đột giữa các nhóm cư dân kinh doanh và không kinh doanh du lịch, cũng như giữa người dân địa phương với khách du lịch, xuất hiện ngày càng rõ nét tại các khu vực phát triển nhanh, tạo ra thách thức trong việc duy trì sự đồng thuận xã hội và gìn giữ bản sắc cộng đồng.

Phân tích theo nhân khẩu học cho thấy, nhóm cư dân mới (thời gian cư trú < 10 năm) và nhóm trẻ (< 30 tuổi) có tỷ lệ đánh giá tác động tiêu cực cao hơn đáng kể so với cư dân lâu năm và nhóm lớn tuổi. Điều này phản ánh mức độ khó thích nghi và nhạy cảm cao trước biến đổi xã hội ở các nhóm này:

Bảng 2: Ảnh hưởng tiêu cực của du lịch tới văn hóa, truyền thống địa phương

Đơn vị tính: %

Nội dung	Không có tác động	Tác động yếu	Bình thường	Tác động mạnh	Tác động rất mạnh
Làm sản phẩm nghề truyền thống bị lai tạp	23,2	27,5	34,6	12,2	2,4
Làm thay đổi tập quán, lối sống truyền thống	20,2	28,4	34,7	13,0	3,6
Xung đột văn hóa giữa người kinh doanh và không kinh doanh du lịch	24,2	25,7	36,8	10,3	2,9
Xung đột giữa cư dân và khách du lịch	31,4	18,9	36,9	9,7	2,9

(Nguồn: Tác giả)

Các kết quả trên khẳng định du lịch không chỉ tác động đến không gian văn hóa vật thể, mà còn tạo ra sự thay đổi sâu sắc trong cấu trúc quan hệ xã hội, phân tầng cộng đồng và cách cư dân định nghĩa bản sắc. Đây là những yếu tố trung tâm cần được nhận diện trong quản trị du lịch bền vững, nhằm giảm thiểu căng thẳng văn hóa - xã hội và duy trì tính cố kết cộng đồng.

Kết quả khảo sát (Bảng 3) cho thấy trình độ học vấn có ảnh hưởng đáng kể đến cách cộng đồng nhìn nhận tác động của du lịch đối với văn hóa - xã hội. Nhìn chung, nhóm có học vấn thấp (trung học cơ sở) thường cho rằng du lịch “không có tác động” hoặc “tác động yếu”, trong khi các nhóm có học vấn cao hơn - đặc biệt là trung cấp/cao đẳng/học nghề và trên đại học - có xu hướng đánh giá ở mức “bình thường” đến “mạnh”, phản ánh khả năng nhận diện rõ ràng hơn về nguy cơ biến đổi văn hóa truyền thống.

Ở khía cạnh nghề truyền thống, nhóm trung học cơ sở ghi nhận tới 42,9% “không có tác động”, cao hơn hẳn nhóm trên đại học (21,4%) và nhóm trung cấp/cao đẳng/học nghề (10,1%). Trái lại, nhóm trên đại học và nhóm trung cấp/cao đẳng/học nghề ghi nhận tỷ lệ “bình thường” trên 40%, cho thấy mối lo ngại về nguy cơ lai tạp sản phẩm và suy giảm giá trị bản địa.

Với tập quán và lối sống truyền thống, nhóm trên đại học đứng đầu ở tỷ lệ “bình thường” (43,3%), trong khi nhóm trung học phổ thông ghi nhận tỷ lệ “rất mạnh” cao nhất (5,6%). Điều này cho thấy học vấn cao hơn không đồng nghĩa với thái độ bị quan hơn, nhưng đi kèm với nhận thức thấu đáo hơn về sự thay đổi xã hội.

Đáng chú ý, ở xung đột văn hóa giữa khách du lịch và cư dân, nhóm trung học cơ

sở chiếm tới 58,9% “không có tác động”, trong khi nhóm trên đại học lại có tỷ lệ “mạnh” và “rất mạnh” cộng lại cao nhất (14,3%). Tương tự, ở xung đột giữa cư dân kinh doanh và không kinh doanh du lịch, nhóm trên đại học vẫn dẫn đầu về mức độ lo ngại cao.

Các vấn đề về quá tải dịch vụ giải trí, cạnh tranh không lành mạnh và tình trạng đông đúc

Bảng 3: Tác động tiêu cực của du lịch đến văn hóa truyền thống địa phương xét theo tương quan học vấn

Đơn vị tính: %

	Không có tác động	Tác động yếu	Bình thường	Tác động mạnh	Tác động rất mạnh
<i>Làm các sản phẩm nghề truyền thống của địa phương bị lai tạp, pha trộn bản sắc truyền thống</i>					
Trung học cơ sở	42,9	29,5	15,2	12,5	0,0
Trung học phổ thông	25,8	25,5	33,9	13,4	1,6
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	10,1	36,1	40,4	10,1	3,4
Trên đại học	21,4	21,4	42,4	11,0	3,8
<i>Làm các tập quán, lối sống truyền thống của người dân địa phương bị pha trộn, thay đổi</i>					
Trung học cơ sở	39,3	31,3	14,3	15,2	0,0
Trung học phổ thông	18,9	30,4	33,5	11,5	5,6
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	12,5	29,8	40,9	13,9	2,9
Trên đại học	18,5	21,4	43,3	12,4	3,3
<i>Tạo ra xung đột văn hóa giữa khách du lịch và cộng đồng địa phương</i>					
Trung học cơ sở	58,9	13,4	19,6	7,1	0,9
Trung học phổ thông	31,4	19,3	37,0	9,9	2,5
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	19,2	23,6	44,2	8,7	4,3
Trên đại học	29,0	15,2	41,4	11,0	3,3
<i>Tạo ra xung đột văn hóa giữa người kinh doanh du lịch và người không kinh doanh du lịch</i>					
Trung học cơ sở	47,3	27,7	16,1	8,0	0,0
Trung học phổ thông	23,6	24,8	39,4	9,6	2,5
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	13,0	33,7	37,5	11,1	4,8
Trên đại học	24,3	17,1	44,3	11,4	2,9
<i>Các hoạt động, dịch vụ giải trí bị quá tải vì quá đông người (rap chiếu phim, sự kiện, công viên, thắng cảnh...)</i>					
Trung học cơ sở	31,3	34,8	22,3	9,8	1,8
Trung học phổ thông	16,5	26,1	37,3	14,6	5,6
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	9,6	24,0	41,3	20,2	4,8
Trên đại học	20,5	17,6	43,8	14,3	3,8
<i>Gia tăng tình trạng cạnh tranh không lành mạnh (tranh giành khách, chèn ép lẫn nhau giữa các bên tham gia cung cấp dịch vụ...)</i>					
Trung học cơ sở	40,2	27,7	19,6	9,8	2,7
Trung học phổ thông	16,5	28,3	33,2	19,3	2,8
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	8,7	30,3	40,4	16,8	3,8
Trên đại học	19,5	19,5	40,0	16,2	4,8
<i>Gây ra tình trạng đông đúc, quá tải tại địa phương (giao thông, liên lạc, không gian sống...)</i>					
Trung học cơ sở	36,6	30,4	19,6	11,6	1,8
Trung học phổ thông	16,8	23,6	30,7	25,8	3,1
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	8,2	16,8	45,7	24,5	4,8
Trên đại học	18,6	18,1	37,6	19,0	6,7
<i>Gia tăng tình trạng bệnh tật tại địa phương (dịch bệnh, truyền nhiễm...)</i>					
Trung học cơ sở	33,0	25,9	28,6	8,9	3,6
Trung học phổ thông	19,6	13,4	34,2	25,2	7,8
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	9,1	14,9	34,6	34,6	6,7
Trên đại học	21,9	14,8	37,1	20,0	6,2
<i>Gia tăng tỷ lệ tội phạm, tệ nạn tại địa phương (trộm cắp, ma túy, mại dâm...)</i>					
Trung học cơ sở	33,0	18,8	31,3	14,3	2,7
Trung học phổ thông	13,0	18,0	35,1	26,4	7,5
Trung cấp, cao đẳng, học nghề	8,7	17,8	32,2	37,5	3,8
Trên đại học	18,1	17,1	37,6	24,3	2,9

(Nguồn: Số liệu khảo sát của đề tài tại Ninh Bình năm 2024)

cũng cho thấy sự phân hóa: nhóm trung học phổ thông thường nổi bật ở tỷ lệ “rất mạnh”, còn nhóm trung cấp/cao đẳng/học nghề lại dẫn đầu ở mức “mạnh”.

Đối với gia tăng bệnh tật và tệ nạn xã hội, nhóm trung cấp/cao đẳng/học nghề ghi nhận tỷ lệ “mạnh” cao nhất (trên 34% ở cả hai chỉ báo), trong khi nhóm trung học phổ thông đứng đầu ở mức “rất mạnh”.

Nhìn tổng thể, các nhóm có học vấn cao hơn ít khi phủ nhận hoàn toàn tác động của du lịch, thay vào đó thừa nhận mức ảnh hưởng từ trung bình trở lên. Xu hướng này phản ánh mối liên hệ giữa trình độ học vấn và khả năng nhận diện rủi ro, đồng thời gợi ý rằng các chính sách quản lý du lịch bền vững cần tính đến sự khác biệt nhận thức giữa các nhóm dân cư để truyền thông và huy động sự tham gia một cách hiệu quả.

Bên cạnh yếu tố học vấn, mức độ lo ngại về thay đổi tập quán và lối sống truyền thống còn có sự khác biệt rõ rệt theo giới tính (Bảng 4).

Bảng 4: Đánh giá tác động mạnh/rất mạnh của du lịch làm thay đổi tập quán, lối sống truyền thống (theo giới tính)

Giới tính	Không có tác động	Tác động yếu	Bình thường	Tác động mạnh	Tác động rất mạnh	Tổng cộng mạnh/rất mạnh
Nam	20,0	27,3	33,8	14,0	4,8	18,8
Nữ	20,2	29,6	35,7	12,1	2,4	14,5

(Nguồn: Tác giả)

Bảng 5: Ảnh hưởng tiêu cực của du lịch tới an ninh xã hội

Nội dung	Không có tác động	Tác động yếu	Bình thường	Tác động mạnh	Tác động rất mạnh
Gia tăng tội phạm, tệ nạn	15,8	18,0	34,3	26,9	4,8
Gia tăng dịch bệnh, truyền nhiễm	19,4	15,8	34,1	24,1	6,5

(Nguồn: Tác giả)

Phân tích theo giới tính cho thấy, tỷ lệ nữ giới đánh giá mức độ lo ngại về thay đổi tập quán, lối sống truyền thống ở mức mạnh và rất mạnh lần lượt là 12,1% và 2,4% (tổng cộng 14,5%), trong khi ở nam giới, tỷ lệ này là 14,0% và 4,8% (tổng cộng 18,8%). Mặc dù tỷ lệ “tác động mạnh” ở nam cao hơn, song nữ giới lại có xu hướng lựa chọn mức “bình thường” và “tác động yếu” nhiều hơn, phản ánh sự quan tâm ổn định và liên tục của nữ giới đối với các biện pháp về văn hóa truyền thống trong cộng đồng.

Ngoài ra, nhóm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực du lịch (lưu trú, vận chuyển, lữ hành...)

ghi nhận mức độ lo ngại về tác động văn hóa - xã hội cao hơn nhóm không làm du lịch. Điều này cho thấy những người tiếp xúc trực tiếp với khách và hoạt động dịch vụ có khả năng nhận diện rõ hơn các nguy cơ thương mại hóa, xung đột và biến đổi tập quán.

4.2. Rủi ro về an ninh xã hội

Phần lớn ý kiến khảo sát nhận định sự phát triển du lịch kéo theo nguy cơ gia tăng tội phạm, tệ nạn xã hội, dịch bệnh và gây quá tải cho các dịch vụ công cộng. Đáng chú ý, 31,7% số cư dân được hỏi cho biết sẵn sàng chuyển đi nơi khác sinh sống nếu các rủi ro an ninh xã hội tiếp tục gia tăng, phản ánh ảnh hưởng đáng kể của các vấn đề này tới tâm lý, đời sống và sự gắn bó của người dân với địa phương.

Kết quả phân tích sâu cho thấy các nhóm dân cư có đặc điểm nhân khẩu học khác nhau có mức độ lo ngại về an ninh xã hội không giống nhau:

- Nhóm thu nhập thấp (≤ 5 triệu/tháng) và nhóm mới di cư đến (<10 năm cư trú) có tỷ lệ

lo ngại về an ninh xã hội và ý định rời đi cao hơn so với nhóm cư trú lâu dài hoặc thu nhập cao. Điều này phản ánh mức độ tổn thương và bất an của các nhóm yếu thế trước các rủi ro phát sinh từ phát triển du lịch.

- Những người làm việc trong các lĩnh vực trực tiếp liên quan tới du lịch như lưu trú, vận chuyển, dịch vụ lữ hành có chỉ số lo ngại về tác động môi trường - xã hội cao hơn so với nhóm không liên quan trực tiếp, do thường xuyên tiếp xúc với biến động về lượng khách, trật tự công cộng, an toàn cá nhân và các vấn đề phát sinh từ hoạt động du lịch.

- Cư dân mới (cư trú dưới 10 năm) thường cảm nhận rõ nét hơn các tác động tiêu cực của du lịch so với nhóm đã sống lâu năm tại địa phương, cho thấy yếu tố “gắn bó cộng đồng” và khả năng thích nghi đóng vai trò quan trọng trong đánh giá rủi ro.

Đáng chú ý, tỷ lệ đánh giá tác động mạnh/rất mạnh của du lịch đến gia tăng tội phạm ở nhóm thu nhập cao (> 15 triệu/tháng) là 34,1%, cao hơn đáng kể so với nhóm thu nhập thấp ($\leq$ 5 triệu/tháng) là 23,8%. Riêng nhóm thu nhập trung bình (10-15 triệu/tháng) ghi nhận tỷ lệ rất cao (50,5%), cho thấy mức độ lo ngại không hoàn toàn tuyến tính theo thu nhập mà có thể liên quan tới vị trí xã hội, mức độ tiếp xúc thực tế với du lịch và kỳ vọng về môi trường sống an toàn.

Bảng 6: Tác động của du lịch đến gia tăng tội phạm tại địa phương (theo nhóm thu nhập, %)

Nhóm thu nhập	Không có tác động	Tác động yếu	Bình thường	Tác động mạnh	Tác động rất mạnh	Tổng cộng mạnh/rất mạnh
$\leq$ 5 triệu/tháng	18,5	16,5	41,2	15,0	8,8	23,8
Trên 5 - 10 triệu/tháng	21,8	16,8	33,8	25,3	2,4	27,7
Trên 10 - 15 triệu/tháng	4,0	23,0	22,4	47,1	3,4	50,5
> 15 triệu/tháng	9,3	17,5	39,2	28,9	5,2	34,1

(Nguồn: Tác giả)

Nhìn chung, các rủi ro an ninh xã hội do phát triển du lịch không chỉ dừng lại ở mức cảm nhận mà đã ảnh hưởng thực chất đến quyết định sinh sống, chất lượng cuộc sống và sự gắn bó cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy 31,7% số người được hỏi sẵn sàng chuyển đi nơi khác nếu các rủi ro an ninh xã hội tiếp tục gia tăng, thể hiện mức độ bất an trong cộng đồng.

Phân tích theo nhóm thu nhập chỉ ra rằng, tỷ lệ đánh giá tác động mạnh và rất mạnh của du lịch đến việc gia tăng tội phạm ở nhóm thu nhập thấp ($\leq$ 5 triệu đồng/tháng) là 23,8%, trong khi ở nhóm thu nhập cao (>15 triệu đồng/tháng) tỷ lệ này là 34,1%. Đặc biệt, nhóm thu nhập từ 10-15 triệu đồng/tháng ghi nhận tỷ lệ rất cao (50,5%). Điều này cho thấy mức độ lo ngại về các tác động tiêu cực của du lịch có xu hướng tăng theo thu nhập, tuy nhiên không hoàn toàn tuyến tính, mà có thể liên quan đến mức độ tiếp xúc thực tế với du lịch hoặc kỳ vọng về môi trường sống an toàn hơn.

Các kết quả định lượng và định tính đều minh chứng rằng phát triển du lịch tại Ninh

Bình mang lại cả cơ hội và thách thức cho cộng đồng địa phương - đặc biệt là về căng thẳng xã hội, rủi ro an ninh cộng đồng và sự khác biệt giữa các nhóm dân cư. Những phát hiện này khẳng định tầm quan trọng của việc xây dựng chính sách quản lý du lịch toàn diện, đặc biệt chú trọng phân tích sâu các nhóm bị tổn thương, duy trì bản sắc văn hóa và đảm bảo công bằng xã hội trong phát triển du lịch địa phương.

Nghiên cứu này chỉ tập trung phân tích các tác động xã hội, văn hóa và an ninh cộng đồng của du lịch tại Ninh Bình, không đi sâu vào các vấn đề chính trị hoặc đánh giá các yếu tố liên quan đến tổ chức, quản lý nhà nước hay quan hệ chính trị.

5. Hàm ý chính sách và quản trị

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên 31% cư dân sẵn sàng chuyển đi nơi khác sinh sống nếu các rủi ro an ninh xã hội tiếp tục gia tăng; đồng thời, tỷ lệ đánh giá tác động mạnh/rất mạnh của du lịch tới việc gia tăng tội phạm ở nhóm thu nhập thấp là 23,8%, nhóm thu nhập cao là 34,1% và nhóm thu nhập trung bình 10-15 triệu/tháng lên tới 50,5%. Ngoài ra, gần 50% số người khảo sát cho rằng du lịch làm suy giảm giá trị nghề truyền thống và thay đổi tập quán, lối sống cộng đồng. Những số liệu này minh chứng rõ ràng phát triển du lịch tại Ninh Bình mang tính hai mặt: vừa tạo động lực thúc đẩy kinh tế địa phương, vừa là nguyên nhân dẫn đến những xung đột xã hội và rủi ro về an ninh - môi trường. Đặc biệt, mức độ tác động của du lịch không đồng đều giữa các nhóm cư dân, trong đó những nhóm dễ bị tổn thương như người có thu nhập thấp, cư dân mới di cư đến hoặc lao động thời vụ thường chịu ảnh hưởng tiêu cực rõ rệt hơn.

Để đảm bảo phát triển du lịch theo hướng bền vững và hài hòa lợi ích giữa các nhóm

trong cộng đồng, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý cần ưu tiên hỗ trợ các nhóm dân cư dễ bị tổn thương, thông qua các chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề và hỗ trợ chuyển đổi sinh kế. Cần đẩy mạnh tham vấn cộng đồng, tăng cường hoạt động đối thoại và liên kết xã hội giữa cư dân bản địa, doanh nghiệp và các bên liên quan để giảm thiểu mâu thuẫn, tạo nên tăng trưởng thuận lợi cho phát triển du lịch.

Việc quản lý phát triển du lịch cần đi đôi với kiểm soát chặt chẽ quy hoạch không gian, bảo vệ môi trường và xử lý rác thải, nhằm giảm áp lực lên hạ tầng công cộng và tài nguyên thiên nhiên. Các nhóm có chỉ số lo ngại cao về môi trường - xã hội, như cư dân mới di cư đến và người lao động trực tiếp trong ngành Du lịch, cần được ưu tiên bảo vệ thông qua các chương trình giám sát, hỗ trợ tâm lý và phổ biến kiến thức pháp luật.

Cổng tác dự báo, giám sát các rủi ro xã hội như tội phạm, tệ nạn, cạnh tranh không lành mạnh cần được tăng cường hơn nữa - đây là yêu cầu cấp thiết được xác nhận từ các kết quả khảo sát định lượng và định tính. Đồng thời, khuyến khích bảo tồn nghề truyền thống, tôn vinh các giá trị văn hóa bản địa là giải pháp quan trọng nhằm gìn giữ bản sắc địa phương trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

Quản trị phát triển du lịch cần tiếp cận theo hướng phân tầng, chú trọng sự khác biệt về nhận thức - lợi ích - rủi ro của từng nhóm dân cư, từ đó xây dựng cơ chế chính sách phù hợp và toàn diện.

6. Kết luận

Phát triển du lịch tại Ninh Bình đã đem lại nhiều lợi ích về kinh tế, việc làm và quảng bá hình ảnh địa phương, nhưng cũng làm phát sinh căng thẳng văn hóa - xã hội và rủi ro an ninh cộng đồng. Tác động này không đồng đều giữa các nhóm dân cư; trong đó, những nhóm dễ bị tổn thương như người thu nhập thấp, cư dân mới di cư, lao động trực tiếp trong ngành thường chịu ảnh hưởng tiêu cực rõ rệt hơn.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu trong tương lai nên mở rộng phạm vi so sánh với địa phương khác và theo dõi diễn biến nhận thức cộng đồng trong bối cảnh xã hội biến động, nhằm cung cấp cơ sở cho những chính sách phát triển du lịch bền vững, an toàn và có trách nhiệm hơn. ♦

Tài liệu tham khảo:

- Bakker, A. B., & Demerouti, E. (2014). Job Demands Resources Theory. In *Wellbeing* (pp. 1-28). Wiley. <https://doi.org/10.1002/9781118539415.wbwell019>.
- Brunt, P., Mawby, R., & Hambly, Z. (2000). Tourist victimisation and the fear of crime on. *Tourism Management*, 21, 417-424. [https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(99\)00084-9](https://doi.org/10.1016/S0261-5177(99)00084-9).
- Creswell, J. W., & Clark, V. L. (2018). *Designing and Conducting Mixed Methods Research*.
- Albuquerque, K., & McElroy, J. (1999). Tourism and crime in the Caribbean. *Annals of Tourism Research*, 26(4), 968-984. [https://doi.org/10.1016/S0160-7383\(99\)00031-6](https://doi.org/10.1016/S0160-7383(99)00031-6).
- Doxey, G. V. (1975). A causation theory of visitor-resident irritants: Methodology and research inferences. In *Travel and Tourism Research Association Sixth Annual Conference Proceedings* (pp. 195-198).
- Field, A. (2013). *Discovering Statistics Using {IBM} {SPSS} Statistics*.
- Gursoy, D., Chi, C. G., & Dyer, P. (2010). Locals' attitudes toward mass and alternative tourism: The case of Sunshine Coast, Australia. *Journal of Travel Research*, 49(3), 381-394.
- Haralambopoulos, N., & Pizam, A. (1996). Perceived impacts of tourism: The case of samos. *Annals of Tourism Research*, 23(3), 503-526. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(95\)00075-5](https://doi.org/10.1016/0160-7383(95)00075-5).
- Liu, J. C., & Var, T. (1986). Resident attitudes toward tourism impacts in Hawaii. *Annals of Tourism Research*, 13(2), 193-214. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(86\)90037-X](https://doi.org/10.1016/0160-7383(86)90037-X).
- Mathieson, A., & Wall, G. (1982). *Tourism: Economic, Physical and Social Impacts*. Longman.
- Milman, A., & Pizam, A. (1988). Social impacts of tourism on central florida. *Annals of Tourism Research*, 15(2), 191-204. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(88\)90082-5](https://doi.org/10.1016/0160-7383(88)90082-5).
- Morgan, D. (1996). Focus Groups. *Annual Review of Sociology*, 22, 129-152. <https://doi.org/10.1146/annurev.soc.22.1.129>.
- Nguyễn Hữu Dũng. (2018). *An ninh xã hội trong phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Nunkoo, R., Ramkissoon, H., & Gursoy, D. (2012). Public trust in tourism institutions. *Annals of Tourism Research*, 39(3), 1538–1564. <https://doi.org/10.1016/j.annals.2012.04.004>.

Pizam, A., Pine, R., Mok, C., & Jae Young Shin. (1997). Nationality vs industry cultures: which has a greater effect on managerial behavior? *International Journal of Hospitality Management*, 16(2), 127–145. [https://doi.org/10.1016/S0278-4319\(97\)00001-7](https://doi.org/10.1016/S0278-4319(97)00001-7).

Preston, S. H., Heuveline, P., & Guillot, M. (2001). *Demography: Measuring and Modeling Population Processes*. Blackwell Publishing.

Tourism: Principles, Practices, Philosophies. Robert W. McIntosh and Charles R. Goeldner. John Wiley & Sons, 605 Third Avenue, New York, N.Y. 10016. 1984. 524p. (1985). *Journal of Travel Research*, 23(3), 34. <https://doi.org/10.1177/004728758502300307>.

UNWTO. (n.d.). *Sustainable Tourism for Development Guidebook Enhancing capacities for Sustainable Tourism for development in developing countries*. Retrieved August 9, 2025, from www.unwto.org.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. (2021, July 16). *Quyết định số 747/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, đảm bảo môi trường an toàn, văn minh phục vụ phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021–2026*. Ninh Bình, Việt Nam.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. (2024, January 15). *Văn bản số 39/UBND-VP5 về việc tăng cường công tác quản lý đối với các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch*. Ninh Bình, Việt Nam.

Diệp Anh (2023, April 17). Ninh Bình tăng cường đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng điểm đến an toàn, thân thiện. *Công Thông tin điện tử Chính phủ*. <https://baochinhphu.vn/ninh-binh-tang-cuong-dam-bao-an-ninh-trat-tu-xay-dung-diem-den-an-toan-than-thien-102230417104553837.htm>.

Kiều Ân (2024, February 22). Xây dựng điểm đến an toàn cho nhân dân và du khách. *Báo Ninh Bình Online*. <https://baoninhbinh.org.vn/xay-dung-diem-den-an-toan-cho-nhan-dan-va-du-khach/d2024022208434367.htm>.

Minh Hiền (2024, February 18). Công an tỉnh Ninh Bình đảm bảo an ninh trật tự tại các khu du lịch. *Báo Công an Nhân dân*. <https://cand.com.vn/cong-an/cong-an-tinh-ninh-binh-dam-bao-an-ninh-trat-tu-tai-cac-khu-du-lich-i722912/>.

Ninh Binh.gov.vn. (2024, January 15). Ninh Bình tăng cường công tác quản lý đối với các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch. *Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Ninh Bình*. <https://ninhbinh.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/ninh-binh-tang-cuong-cong-tac-quan-ly-doi-voi-cac-san-pham-du-lich-co-nguy-co-anh-huong-den-tinh-332776>.

Tổng cục Du lịch Việt Nam. (2019, September 19). UBND tỉnh Ninh Bình chỉ đạo xử lý hoạt động du lịch liên quan đến tour 0 đồng. *Cổng thông tin điện tử Tổng cục Du lịch*. <https://vietnamtourism.gov.vn/post/29795>.

Summary

Tourism development in Ninh Binh has brought significant benefits in terms of economy, employment, and infrastructure improvement, but it has also raised concerns about socio-cultural tensions and social security risks. This study analyzes the correlation between income, demographic characteristics, and community perceptions of the negative impacts of tourism, such as the erosion of cultural values, social conflicts, and instability in community life. Based on a survey of 871 residents combined with crosstab analysis and chi-square tests, the results indicate that low-income groups, recent migrants, and workers directly employed in the tourism sector express greater concerns about social risks. Accordingly, the study proposes sustainable tourism development policies that prioritize the protection of vulnerable groups and the harmonization of community interests.